

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/DS-ST  
Ngày 24/11/2022  
V/v tranh chấp tranh chấp  
Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đặng Chí Công

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Ksor Thí
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2022/TLST – DS, ngày 15 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ G; địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà P, số 5 đường D1, phường L, thành phố T, thành phố H.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Giám đốc.

***Người đại diện theo uỷ quyền:*** Ông Nguyễn Đăng T; địa chỉ: 89 H, phường H, quận C, thành phố Đ(có mặt).

***2. Bị đơn:*** Ông Phạm Văn H; địa chỉ: thôn 2, xã I, huyện Ia, tỉnh G (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Đại diện nguyên đơn trình bày:*** Ngày 12/4/2018 ông Phạm Văn H ký hợp đồng tín dụng số 20180417-0001881 với Công ty V vay số tiền 26.375.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông H có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi 44.115.728đ trong thời hạn 24 tháng với hình thức trả góp; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.911.265đ, tháng

cuối cùng trả 156.633đ; thời gian bắt đầu trả nợ từ ngày 03/8/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 12/4/2018 đến ngày 13/3/2019 ông H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 7.993.795đ, trong đó nợ gốc là 4.746.499đ, lãi 3.247.296đ. Kể từ ngày 13/3/2019 đến nay ông H không tiếp tục thanh toán cho Công ty. Ngày 29/3/2021, khoản nợ của ông H đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Nay Công ty G yêu cầu ông Phạm Văn H trả số tiền nợ gốc còn lại là 21.628.501đ tính đến ngày 03/4/2020 và lãi còn lại là 14.493.432đ tính đến ngày 03/4/2020, tổng cộng cả gốc và lãi là 36.212.933đ. Ngoài ra Công ty không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.*

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Công ty G (sau đây gọi tắt là Cty) khởi kiện ông Phạm Văn H để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Do vậy đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 20180417-0001881 ngày 12/4/2018 được giao kết giữa Công ty V và ông Phạm Văn H theo hình thức trả góp. Theo thỏa thuận, Cty cho ông Phạm Văn H vay 26.375.000đ để chi tiêu cá nhân với lãi suất 05%/tháng, thời hạn trả trong vòng 24 tháng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/4/2020. Xét nội dung thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng nói trên phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho

vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có hiệu lực. Đến hạn ngày 03/4/2020 ông Phạm Văn H chỉ trả được 7.993.795đ, trong đó nợ gốc là 4.746.499đ, lãi 3.247.296đ là thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 29/3/2021 Công ty V đã chuyển nhượng khoản nợ của ông Phạm Văn H cho Công ty G. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc còn lại 21.628.501đ là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét nội dung thỏa thuận mức lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi đối với khoản vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi tối đa 60%/năm) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi còn lại là 14.493.432đ.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu 1.806.096đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 903.048đ theo biên lai thu số 0008585 ngày 14/6/2022 của Chi cục THADS huyện Ia Grai.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G.

2. Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Galaxy 21.628.501đ tiền nợ gốc và 14.493.432đ tiền lãi, tổng cộng là 36.121.933đ (*ba mươi sáu triệu một trăm hai mươi một nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/11/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.*

3. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 1.806.096đ (*một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Công ty G tiền tạm ứng án phí đã nộp là 903.048đ (*chín trăm lẻ ba nghìn không trăm bốn mươi tám đồng*) theo biên lai thu số 0008585 ngày 14/6/2022 của Chi cục THADS huyện Ia Grai.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Chí Công**